

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 10 tháng 12 năm 2018;  
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;  
Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Công văn số 10938/BGTVT-KHĐT ngày 18/11/2019 của Bộ Giao thông vận tải tham gia ý kiến về điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2008 và phê duyệt điều chỉnh tại Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định 2762/QĐ-UBND ngày 07/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 11/TTr-SKHĐT ngày 14/01/2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh một số tuyến đường đã có trong Quy hoạch được phê duyệt:

a) Điều chỉnh quy mô tuyến đường bộ ven biển từ đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005) lên quy mô đường cấp II đồng bằng (TCVN 4054-2005).

b) Điều chỉnh quy hoạch và đổi tên tuyến đường quy hoạch Quốc lộ 10 mới đoạn từ cầu Nghìn đến đầu đường tránh S1 thành tuyến đường từ Thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn: Điểm đầu bờ sông Hóa tiếp giáp với đường tránh Quốc lộ 10 địa phận thành phố Hải Phòng (cách cầu Nghìn khoảng 1,3km về phía hạ lưu); điểm cuối nút giao tuyến tránh Quốc lộ 10 (tuyến tránh S1); tổng chiều dài khoảng  $L=21,6\text{km}$ ; quy mô đường cấp II đồng bằng.

c) Điều chỉnh Quy hoạch đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) có điểm đầu từ nút giao với đường đầu cầu vượt sông Trà Lý trên tuyến đường từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam (khu vực Cống Vực) đi trùng với đường huyện 56 đến Quốc lộ 39 (cầu Cao Mỗ); chiều dài đoạn đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) điều chỉnh là  $L = 2,65\text{km}$ ; quy mô đường cấp III đồng bằng. Tuyến đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) sau khi điều chỉnh có điểm đầu là cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống vực), điểm cuối là xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy; tổng chiều dài toàn tuyến là 39,05km.

2. Bổ sung vào Quy hoạch một số tuyến đường như sau:

a) Bổ sung quy hoạch tuyến đường từ Quốc lộ 10 vào Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ: Điểm đầu giao Quốc lộ 10 tại Km58+992 thuộc địa phận thị trấn An Bài; điểm cuối nối với Khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp, huyện Quỳnh Phụ; tổng chiều dài  $L = 2,0\text{km}$ ; quy mô đường cấp II đồng bằng.

b) Bổ sung quy hoạch tuyến đường nối từ cầu sông Hóa đến Quốc lộ 37: Điểm đầu cầu sông Hóa (Km9+640 Quốc lộ 37); điểm cuối Km7+500 Quốc lộ 37; tổng chiều dài  $L=1,5\text{km}$ ; quy mô đường cấp III đồng bằng.

c) Bổ sung quy hoạch đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực) vào Quốc lộ 39: Điều chỉnh, thay thế đoạn 1 quy hoạch đường tỉnh 455 (đường 216 cũ) đoạn từ đường nối từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam đến Quốc lộ 39 (đi trùng với đường huyện ĐH.47) dài  $L=2,9\text{km}$  bằng tuyến đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý trên đường nối từ thành phố Thái Bình đến đường Thái Bình - Hà Nam (khu vực Cống Vực) đến Quốc lộ 39.

3. Bổ sung nhu cầu quỹ đất và nhu cầu vốn như sau:

a) Nhu cầu quỹ đất thực hiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung:

TT	Hạng mục	Chiều dài (km)	Chiều rộng chiếm dụng (m)	Diện tích đất chiếm dụng (m <sup>2</sup> )
1	Đường từ QL.10 vào Khu CN chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ	2,0	67,5	135.000
2	Đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn	22	67,5	1.485.000
3	Tuyến nối từ cầu sông hóa đến QL.37	1,2	48,0	57.600
4	Đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực) đến QL.39	2,65	48,0	127.200
5	Tuyến đường bộ ven biển	45,0	67,5	
	<b>Tổng</b>	<b>72,85</b>		<b>1.804.800</b>

b) Nhu cầu vốn để thực hiện quy hoạch điều chỉnh, bổ sung:

STT	Hạng mục	Chiều dài (km)	Suất đầu tư (tỷ)	Kinh phí (tỷ)
1	Đường từ QL.10 vào Khu CN chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ	2,0	45,3	90,6
2	Đường từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn			
a	<i>Phần đường</i>	21,6	45,3	978,48
b	<i>Phần cầu</i>	27.945m <sup>2</sup>	0,02572	718,74
c	<i>Các chi phí khác: GPMB, lãi vay, Trạm thu phí...</i>			1.473,18
3	Tuyến nối từ cầu sông hóa đến QL.37	1,5	24,14	36,21
4	Đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Cống Vực) đến QL.39	2,65		
a	<i>Phần đường nâng cấp từ cấp IV lên cấp III (tính 1/2) kinh phí xây mới cấp III</i>	2,1	12,07	25,35
b	<i>Phần làm mới</i>	0,55	24,14	13,28
c	<i>Phần nút giao Cống Vực (tạm tính)</i>			32,71
5	Tuyến đường bộ ven biển			
a	<i>Phần đường</i>	41,0	45,3	1.857
b	<i>Phần cầu nhỏ</i>	6.026m <sup>2</sup>	0,02572	150,65
c	<i>Cầu lớn</i>	81.581m <sup>2</sup>	0,03959	3.229
	<b>Tổng</b>			<b>8.605,19</b>

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Sở Giao thông vận tải:**

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện công bố công khai Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung; quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Lập Kế hoạch đầu tư phát triển giao thông vận tải của tỉnh hàng năm và từng giai đoạn theo lộ trình phát triển phù hợp với Quy hoạch điều chỉnh được duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận để triển khai thực hiện;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi và tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh;

- Rà soát các cơ chế, chính sách, các văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến đầu tư phát triển giao thông vận tải, trình sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Quy hoạch.

### **2. Các sở ngành, đơn vị có liên quan:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển giao thông vận tải của tỉnh; cân đối nhu cầu vốn, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn hàng năm cho đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh theo quy hoạch được duyệt.

- Các sở ban ngành liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động lập kế hoạch thực hiện hàng năm và hướng dẫn các địa phương, cơ sở thực hiện, kiểm tra giám sát và bổ khuyết quá trình thực hiện ở cơ sở, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về các cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện theo nội dung quy hoạch được duyệt.

### **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc công bố đến các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan trên địa bàn để biết và thực hiện;

- Quản lý, thực hiện các nội dung quy hoạch phát triển giao thông vận tải theo phân cấp của tỉnh thuộc địa phận và phạm vi quản lý;

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm ở địa phương; cân đối nguồn lực bố trí cho chương trình hiện đại hóa hệ thống giao thông ở địa phương, địa bàn quản lý.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành rà soát điều chỉnh các quy hoạch có liên quan phù hợp với quy hoạch giao thông vận tải điều chỉnh, bổ sung; đồng thời phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong quá trình thực hiện, đảm bảo quy hoạch được triển khai khả thi và đồng bộ, tạo được hệ thống giao thông vận tải liên hoàn, liên kết, nâng cao năng lực của toàn hệ thống.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 07/10/2008 và Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT, KTGT, TH. *md*

**CHỦ TỊCH**



*Đang Trọng Thăng*  
**Đang Trọng Thăng**

**Phụ lục:**  
**Các tuyến đường điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình**  
**đến năm 2020, tầm nhìn sau 2020**

(Kèm theo Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Theo Quy hoạch (Km)	Theo Quy hoạch hiện tại	Phương án điều chỉnh
1	Đường từ QL.10 vào Khu công nghiệp chuyên phục vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ	Giao Quốc lộ 10 (Km58+992)	Nối với Khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp	2		
a		Đoạn từ QL.10	Hết Khu công nghiệp Cầu Ngình	0,7	B=(8+8+8)m	B=(3,5+7,5+1,5+7,5+3,5)m =24m
b		Hết Khu công nghiệp Cầu Ngình	Khu công nghiệp phục vụ nông nghiệp	1,3	Chưa có	Chiều dài L=1,3Km; đường cấp II B=(1,5+7,5+4,5+7,5+1,5)m =22,5m
2	Đường từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngình	Sông Hóa	Đường Võ Nguyên Giáp	21,6		
a		Sông Hóa	Qua Khu công nghiệp Cầu Ngình	1,2	Đường N1 B=6+12+6=24m	Chiều dài L=1,2Km; đường cấp II B=(1,5+7,5+4,5+7,5+1,5)m = 22,5m
b		Qua Khu công nghiệp Cầu Ngình	Sông Diêm Hộ	5,9	tuyến đi trùng QH	Chiều dài L=5,9Km; đường cấp II B=(1,5+7,5+4,5+7,5+1,5)m =22,5m
c		Sông Diêm Hộ	Đường liên xã Đông Các - Đông Hà	8,0	Chưa có tuyến mới song song tuyến tránh Đông Hưng, cách tuyến tránh (0,8-1,2)km	Đường cấp II B=(0,5+10+1,5+10+0,5)m =22,5m
d		Đường liên xã Đông Các - Đông Hà	Qua Quốc lộ 39 0,8Km	4.9	tuyến đi trùng quy hoạch đường vành đai phía Nam	Đường cấp II B=(0,5+10+1,5+10+0,5)m =22,5m
e		Qua Quốc lộ 39 (0,8Km)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp	1,6	chưa có	Đường cấp II B=(0,5+10+1,5+10+0,5)m =22,5m
3	Tuyến đường nối từ cầu sông hóa đến Quốc lộ 37	Cầu phao Hóa (từ Km9+640)	Quốc lộ 37 (Km7+500)	1,5	L=2,14km Cấp III	Đường cấp III

4	Đường nối từ cầu vượt sông Trà Lý (khu vực Công Vực) đến QL.39	Km6+250	Quốc lộ 39	2,65	Cấp IV	Đường cấp III
5	Tuyến đường bộ ven biển	Khu vực đò Gánh	xã Nam Phú, huyện Tiên Hải	44,36	Cấp III	Đường cấp II

